UBND TỈNH QUẢNG NGÃI
SỞ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 14 /BC-SYT

Quảng Ngãi, ngày 05 tháng 01 năm 2022

KHẨN

BÁO CÁO
Tình hình dịch bệnh COVID-19 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

(*Tính đến 15 giờ 00 ngày 05/01/2022*)

Từ 15 giờ ngày 04/01/2022 đến 15 giờ ngày 05/01/2022: **215 ca mắc mới.**

STT	Mã BN	Năm sinh	Giới tính	Chỗ ở hiện nay	Đối tượng
1. Ca bệnh cộng đồng: 186 ca					
1.1. Bình Sơn: 59 ca					
1.	1822000	1990	Nam	Trung An, Bình Thạnh, Bình Sơn	Công nhân Nhà thầu Đại Dũng – công ty Thép Hòa Phát, xét nghiệm cộng đồng
2.	1822001	1970	Nam	Long Thạnh, Bình Thạnh, Bình Sơn	Công nhân Nhà thầu Đại Dũng – công ty Thép Hòa Phát, xét nghiệm cộng đồng
3.	1822017	2015	Nam	Đông Thuận, Bình Trung, Bình Sơn	Xét nghiệm cộng đồng
4.	1822018	1997	Nam	Sơn Trà, Bình Đông, Bình Sơn	Cán bộ UBND xã Bình Đông, xét nghiệm cộng đồng
5.	1822020	2015	Nam	Sơn Trà 1, Bình Đông, Bình Sơn	Xét nghiệm cộng đồng
6.	1822021	1964	Nam	Phước An, Bình Khương, Bình Sơn	Xét nghiệm cộng đồng
7.	1822022	2003	Nam	Tuyết Diêm 1, Bình Thuận, Bình Sơn	Công nhân Công ty Mensa – KCN VSIP, xét nghiệm cộng đồng
8.	1822028	2004	Nữ	Xuân Yên, Bình Hiệp, Bình Sơn	Xét nghiệm cộng đồng
9.	1822030	1983	Nữ	Xuân Yên, Bình Hiệp, Bình Sơn	Công nhân Công ty Mensa – KCN VSIP, xét nghiệm cộng đồng
10.	1822040	1984	Nam	TDP 6, Thị trấn Châu Ổ, Bình Sơn	Công nhân công ty Doosan Dung Quất, xét nghiệm cộng đồng
11.	1822041	1983	Nữ	Thanh Trà, Bình Khương, Bình Sơn	Công nhân công ty Doosan Dung Quất, xét nghiệm cộng đồng

12.	1822042	1987	Nữ	Tân Phước Đông, Bình Minh, Bình Sơn	Công nhân công ty THE MAIN ENC – Bình Thạnh, xét nghiệm cộng đồng
13.	1822043	2000	Nữ	Phước Thọ 1, Bình Phước, Bình Sơn	Công nhân công ty Doosan Dung Quất, xét nghiệm cộng đồng
14.	1822044	1998	Nữ	Phú Long 3, Bình Phước, Bình Sơn	Công nhân Công ty South Sea Leatherwears – KCN VSIP, xét nghiệm cộng đồng
15.	1822045	1983	Nam	Long Vĩnh, Bình Long, Bình Sơn	Công nhân công ty chi nhánh Công nhiệp Hóa Chất Mỏ Quảng Ngãi – Bình Phước, xét nghiệm cộng đồng
16.	1822046	1979	Nữ	Đội 4, Long Vĩnh, Bình Long, Bình Sơn	Công nhân công ty chi nhánh Công nhiệp Hóa Chất Mỏ Quảng Ngãi – Bình Phước, xét nghiệm cộng đồng
17.	1822062	1991	Nam	Mỹ Long, Bình Minh, Bình Sơn	Xét nghiệm cộng đồng
18.	1822066	1969	Nam	KTX B Hoà Phát, Bình Đông, Bình Sơn	Công nhân công ty thép Hòa Phát, xét nghiệm cộng đồng
19.	1822067	1971	Nam	KTX B Hoà Phát, Bình Đông, Bình Sơn	Công nhân công ty thép Hòa Phát, xét nghiệm cộng đồng
20.	1822068	1999	Nam	Tân Hy 2, Bình Đông, Bình Sơn	Công nhân công ty thép Hòa Phát, xét nghiệm cộng đồng
21.	1822070	1996	Nam	Khách sạn Đức Long, Bình Chánh, Bình Sơn	Công nhân công ty thép Hòa Phát, xét nghiệm cộng đồng
22.	1822071	1988	Nam	Đông Lỗ, Bình Thuận, Bình Sơn	Công nhân công ty thép Hòa Phát, xét nghiệm cộng đồng
23.	1822073	1984	Nữ	Châu Tử, Bình Nguyên, Bình Sơn	Công nhân công ty TNHH Fujikura Automative –KCN Tịnh Phong, xét nghiệm cộng đồng
24.	1822077	1994	Nam	Phú Nhiêu 2, Bình Tân Phú, Bình Sơn	Công nhân công ty Millennium – KCN VSIP, xét nghiệm cộng đồng
25.	1822078	1990	Nữ	Thạch An, Bình Mỹ, Bình Sơn	Công nhân Công ty South Sea Leatherwears – KCN VSIP, xét nghiệm cộng đồng

26.	1822082	2000	Nam	Châu Bình, Bình Châu, Bình Sơn	Công nhân Công ty Mensa – KCN VSIP, xét nghiệm cộng đồng
27.	1822086	1994	Nam	Xuân Yên, Bình Hiệp, Bình Sơn	Công nhân Công ty South Sea Leatherwears – KCN VSIP, xét nghiệm cộng đồng
28.	1822089	1992	Nam	Trung An, Bình Thạnh, Bình Sơn	Xét nghiệm cộng đồng
29.	1822100	1990	Nam	Trung An, Bình Thạnh, Bình Sơn	Xét nghiệm cộng đồng
30.	1822102	2002	Nữ	Nhơn Hòa 1, Bình Tân Phú, Bình Sơn	Công nhân Công ty Mensa – KCN VSIP, xét nghiệm cộng đồng
31.	1822121	1985	Nữ	Phú Lễ 1, Bình Trung, Bình Sơn	Xét nghiệm cộng đồng
32.	1822128	1994	Nữ	Thạnh Thiện, Bình Thanh, Bình Sơn	Công nhân Công ty South Sea Leatherwears – KCN VSIP, xét nghiệm cộng đồng
33.	1822117	1994	Nam	KTX Công ty Doosan, Bình Thuận, Bình Sơn	Công nhân công ty Doosan Dung Quất, xét nghiệm cộng đồng
34.	1822174	1967	Nữ	Đông An, Bình Thạnh, Bình Sơn	Xét nghiệm cộng đồng
35.	1822175	1994	Nam	TDP 2, Thị trấn Châu Ổ, Bình Sơn	Xét nghiệm cộng đồng
36.	1822176	1993	Nam	TDP 2, Thị trấn Châu Ổ, Bình Sơn	Xét nghiệm cộng đồng
37.	1822177	1992	Nữ	TDP 2, Thị trấn Châu Ổ, Bình Sơn	Xét nghiệm cộng đồng
38.	1822178	2015	Nam	TDP 2, Thị trấn Châu Ổ, Bình Sơn	Xét nghiệm cộng đồng
39.	1822179	1993	Nữ	TDP 2, Thị trấn Châu Ổ, Bình Sơn	Xét nghiệm cộng đồng
40.	1822180	2018	Nữ	TDP 2, Thị trấn Châu Ổ, Bình Sơn	Xét nghiệm cộng đồng
41.	1822181	1970	Nữ	TDP 2, Thị trấn Châu Ổ, Bình Sơn	Xét nghiệm cộng đồng
42.	1822182	2000	Nữ	Tây 5, Tây Thuận, Bình Trung, Bình Sơn	Công nhân công ty Millennium – KCN VSIP, xét nghiệm cộng đồng
43.	1822183	2008	Nam	Tây 5, Tây thuận, Bình Trung, Bình Sơn	Xét nghiệm cộng đồng

44.	1822184	1933	Nam	Phú Lộc, Bình Trung, Bình Sơn	Xét nghiệm cộng đồng
45.	1822185	1997	Nam	Tham Hội 2, Bình Thanh, Bình Sơn	Xét nghiệm cộng đồng
46.	1822190	2019	Nam	Tân Hy 1, Bình Đông, Bình Sơn	F1 BN1804823, xét nghiệm cộng đồng
47.	1822191	1949	Nữ	Trung An, Bình Thạnh, Bình Sơn	F1 BN1710346, xét nghiệm cộng đồng
48.	1822192	1990	Nữ	Tân Hy 2, Bình Đông, Bình Sơn	Xét nghiệm cộng đồng
49.	1822193	1992	Nữ	Long Yên, Bình Long, Bình Sơn	Công nhân công ty Kingmarker III – KCN VSIP, xét nghiệm cộng đồng
50.	1822194	1974	Nam	Long Vĩnh, Bình Long, Bình Sơn	Xét nghiệm cộng đồng
51.	1822195	2012	Nam	Long Vĩnh, Bình Long, Bình Sơn	Xét nghiệm cộng đồng
52.	1822196	1998	Nam	Mỹ Long Tây, Bình Minh, Bình Sơn	Xét nghiệm cộng đồng
53.	1822197	1987	Nữ	Xuân Yên Tây, Bình Hiệp, Bình Sơn	Công nhân Công ty South Sea Leatherwears – KCN VSIP, xét nghiệm cộng đồng
54.	1822198	2002	Nữ	Xuân Yên Tây, Bình Hiệp, Bình Sơn	Công nhân Công ty South Sea Leatherwears – KCN VSIP, xét nghiệm cộng đồng
55.	1822199	1983	Nữ	Xuân Yên Tây, Bình Hiệp, Bình Sơn	Công nhân công ty Mensa – KCN VSIP, xét nghiệm cộng đồng
56.	1822200	1980	Nam	Xuân Yên Tây, Bình Hiệp, Bình Sơn	Xét nghiệm cộng đồng
57.	1822201	2011	Nam	Xuân Yên Tây, Bình Hiệp, Bình Sơn	Xét nghiệm cộng đồng
58.	1822202	1984	Nam	Liên Trì Đông, Bình Hiệp, Bình Sơn	Công nhân công ty Millennium – KCN VSIP, xét nghiệm cộng đồng
59.	1822204	1983	Nữ	Xuân Yên Tây, Bình Hiệp, Bình Sơn	Công nhân công ty Mensa – KCN VSIP, xét nghiệm cộng đồng
1.2. Sơn Tịnh: 26 ca					
60.	1822009	1988	Nữ	Thế Lợi, Tịnh Phong, Sơn Tịnh	Công nhân Công ty Mensa – KCN VSIP, xét nghiệm cộng đồng

61.	1822016	1990	Nam	Thế Lợi, Tịnh Phong, Sơn Tịnh	Công nhân Công ty Mensa – KCN VSIP, xét nghiệm cộng đồng
62.	1822026	1990	Nữ	Thọ Trung, Tịnh Thọ, Sơn Tịnh	Công nhân Công ty Mensa – KCN VSIP, xét nghiệm cộng đồng
63.	1822027	1989	Nam	Thọ Trung, Tịnh Thọ, Sơn Tịnh	Xét nghiệm cộng đồng
64.	1822029	1985	Nữ	Thọ Bắc, Tịnh Thọ, Sơn Tịnh	Công nhân Công ty Mensa – KCN VSIP, xét nghiệm cộng đồng
65.	1822036	1997	Nữ	Thọ Lộc Tây, Tịnh Hà, Sơn Tịnh	Công nhân Công ty South Sea Leatherwears – KCN VSIP, xét nghiệm cộng đồng
66.	1822037	1994	Nam	Trường Thọ, Tịnh Phong, Sơn Tịnh	Công nhân công ty Millennium – KCN VSIP, xét nghiệm cộng đồng
67.	1822054	1984	Nam	Thế Lợi, Tịnh Phong, Sơn Tịnh	Xét nghiệm cộng đồng
68.	1822064	1999	Nữ	Thế Long, Tịnh Phong, Sơn Tịnh	Công nhân công ty Millennium –KCN VSIP, xét nghiệm cộng đồng
69.	1822065	1998	Nam	Thế Long, Tịnh Phong, Sơn Tịnh	Công nhân công ty Millennium –KCN VSIP, xét nghiệm cộng đồng
70.	1822061	2000	Nam	Thôn Tây, Tịnh Sơn, Sơn Tịnh	Công nhân công ty Millennium – KCN VSIP, xét nghiệm cộng đồng
71.	1822072	2002	Nam	Xóm 7, Minh Khánh, Tịnh Minh, Sơn Tịnh	Công nhân công ty Millennium – KCN VSIP, xét nghiệm cộng đồng
72.	1822084	1997	Nam	Trường Xuân, Tịnh Hà, Sơn Tịnh	Xét nghiệm cộng đồng
73.	1822085	1995	Nữ	Trường Xuân, Tịnh Hà, Sơn Tịnh	Công nhân Công ty Mensa – KCN VSIP, xét nghiệm cộng đồng
74.	1822088	1976	Nam	Đường 2B, Tịnh Phong, Sơn Tịnh	Công ty Tân MaHang – KCN VSIP, xét nghiệm cộng đồng
75.	1822101	1987	Nữ	Diên Niên, Tịnh Sơn, Sơn Tịnh	Công nhân Công ty Mensa – KCN VSIP, xét nghiệm cộng đồng

76.	1822106	1990	Nam	An Thọ, Tịnh Sơn, Sơn Tịnh	Công nhân công ty Doosan Dung Quất, xét nghiệm cộng đồng
77.	1822122	1989	Nam	Thế Lợi, Tịnh Phong, Sơn Tịnh	Xét nghiệm cộng đồng
78.	1822126	1996	Nữ	Bình Nam, Tịnh Bình, Sơn Tịnh	Công nhân Công ty South Sea Leatherwears – KCN VSIP, xét nghiệm cộng đồng
79.	1822158	1999	Nữ	Xóm 3, Thọ Đông, Tịnh Thọ, Sơn Tịnh	Công nhân Công ty SUMIDA – KCN Tịnh Phong, xét nghiệm cộng đồng
80.	1822159	1991	Nữ	Xóm 3, Thọ Bắc, Tịnh Thọ, Sơn Tịnh	Công nhân Công ty South Sea Leatherwears – KCN VSIP, xét nghiệm cộng đồng
81.	1822161	2001	Nữ	Xóm 7, Thọ Trung, Tịnh Thọ, Sơn Tịnh	Công nhân công ty Mensa – KCN VSIP, xét nghiệm cộng đồng
82.	1822162	1991	Nam	Đội 1, Thôn Tân An, Tịnh Đông, Sơn Tịnh	Công nhân công ty thép Hòa Phát, xét nghiệm cộng đồng
83.	1822163	2002	Nữ	Đội 5, Hưng Nhượng Bắc, Tịnh Đông, Sơn Tịnh	Công nhân Công ty South Sea Leatherwears – KCN VSIP, xét nghiệm cộng đồng
84.	1822114	1989	Nam	Phong Niên Hạ, Tịnh Phong, Sơn Tịnh	Công nhân công ty cổ phần may Đông Thành, xét nghiệm cộng đồng
85.	1822155	1998	Nam	Ngã tư Hàng Da, Tịnh Phong, Sơn Tịnh	Xét nghiệm cộng đồng
1.3. TP Quảng Ngãi: 47 ca					
86.	1821999	1968	Nam	TDP Quyết Thắng, Trương Quang Trọng, TP Quảng Ngãi	Công nhân công ty Millennium - KCN VSIP, xét nghiệm cộng đồng
87.	1822002	1985	Nữ	Phổ Trường, Nghĩa An, TP Quảng Ngãi	Xét nghiệm cộng đồng
88.	1822006	1993	Nữ	Đội 6, Kim Lộc, Tịnh Châu, TP Quảng Ngãi	Công nhân Công ty Tân MaHang - KCN VSIP, xét nghiệm cộng đồng
89.	1822008	1991	Nữ	Tổ 6, Nghĩa Chánh, TP Quảng Ngãi	Xét nghiệm cộng đồng
90.	1822010	2000	Nữ	Phổ Trung, Nghĩa An, TP Quảng Ngãi	Công nhân công ty may Vinatex, xét nghiệm cộng đồng

91.	1822011	2000	Nữ	Khê Tân, Tịnh Khê, TP Quảng Ngãi	Công nhân Công ty Mensa - KCN VSIP, xét nghiệm cộng đồng
92.	1822013	1999	Nam	Phổ Trung, Nghĩa An, TP Quảng Ngãi	Công nhân công ty may Vinatex, xét nghiệm cộng đồng
93.	1822014	2001	Nữ	Tư Cung, Tịnh Khê, TP Quảng Ngãi	Công nhân Công ty Mensa - KCN VSIP, xét nghiệm cộng đồng
94.	1822023	1982	Nam	Tổ 10, Quảng Phú, TP Quảng Ngãi	Nhân viên Công ty CP Môi trường đô thị Quảng Ngãi, F1 BN 1741359, xét nghiệm cộng đồng
95.	1822025	1998	Nữ	An Phú, Tịnh An, TP Quảng Ngãi	Công nhân Công ty Mensa - KCN VSIP, xét nghiệm cộng đồng
96.	1822038	1996	Nữ	Cổ Lũy, Tịnh Khê, TP Quảng Ngãi	Công nhân Công ty May Hoà Thọ - KCN Tịnh Phong, xét nghiệm cộng đồng
97.	1822039	1988	Nữ	Độc Lập, Tịnh Ấn Tây, TP Quảng Ngãi	Công nhân Công ty May Hoà Thọ - KCN Tịnh Phong, xét nghiệm cộng đồng
98.	1822053	1990	Nữ	Liên Hiệp 1B, Trương Quang Trọng, TP Quảng Ngãi	Công nhân công ty Mensa - KCN VSIP, xét nghiệm cộng đồng
99.	1822081	1989	Nam	Thôn 6, Nghĩa Dũng, TP Quảng Ngãi	Xét nghiệm cộng đồng
100.	1822087	1995	Nam	Tổ 4, Chánh Lộ, TP Quảng Ngãi	Xét nghiệm cộng đồng
101.	1822090	1978	Nữ	Tổ 8, Chánh Lộ, TP Quảng Ngãi	Nhân viên BQLĐT-XD các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh, F1 BN 1772236, xét nghiệm cộng đồng
102.	1822091	1991	Nữ	Tổ 10, Trần Phú, TP Quảng Ngãi	Nhân viên BQLĐT-XD các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh, F1 BN 1772236, xét nghiệm cộng đồng
103.	1822092	2000	Nữ	KDC số 7, Tân An, Nghĩa An, TP Quảng Ngãi	Công nhân Công ty South Sea Leatherwears - KCN VSIP, xét nghiệm cộng đồng
104.	1822093	1979	Nam	Giao Hòa, Tịnh Long, TP Quảng Ngãi	Xét nghiệm cộng đồng

105.	1822094	1994	Nữ	Hòa Thuận, Tịnh Hòa, TP Quảng Ngãi	Công nhân Công ty Mensa - KCN VSIP, xét nghiệm cộng đồng
106.	1822095	1981	Nam	Trường Thọ Tây A, Trương Quang Trọng, TP Quảng Ngãi	Nhân viên Công ty CSHT 679, xét nghiệm cộng đồng
107.	1822096	2017	Nữ	Trường Thọ Tây B, Trương Quang Trọng, TP Quảng Ngãi	Xét nghiệm cộng đồng
108.	1822097	1993	Nữ	An Vĩnh, Tịnh Kỳ, TP Quảng Ngãi	Công nhân Công ty South Sea Leatherwears - KCN VSIP, xét nghiệm cộng đồng
109.	1822098	2012	Nam	Thôn 6, Nghĩa Dũng, TP Quảng Ngãi	Xét nghiệm cộng đồng
110.	1822099	1963	Nữ	Thôn 6, Nghĩa Dũng, TP Quảng Ngãi	Xét nghiệm cộng đồng
111.	1822103	1982	Nữ	Tổ 2, Nghĩa Chánh, TP Quảng Ngãi	Công nhân Công ty Mensa - KCN VSIP, xét nghiệm cộng đồng
112.	1822104	1997	Nữ	Liên Hiệp 1B, Trương Quang Trọng, TP Quảng Ngãi	Công nhân Công ty Mensa - KCN VSIP, xét nghiệm cộng đồng
113.	1822105	1984	Nam	Tổ 1, Nghĩa Chánh, TP Quảng Ngãi	Công nhân công ty Doosan Dung Quất, xét nghiệm cộng đồng
114.	1822107	1984	Nam	An Lộc, Bình Trị, Bình Sơn	Công nhân công ty Doosan Dung Quất, xét nghiệm cộng đồng
115.	1822108	2000	Nữ	Liên Trì Đông, Bình Hiệp, Bình Sơn	Công nhân công ty Kingmarker - KCN VSIP, xét nghiệm cộng đồng
116.	1822109	1991	Nữ	Thống Nhất, Tịnh Ấn Tây, TP Quảng Ngãi	Công nhân Công ty South Sea Leatherwears - KCN VSIP, xét nghiệm cộng đồng
117.	1822110	1991	Nam	Tổ 2, Nghĩa Chánh, TP Quảng Ngãi	Nhân viên Cục Thuế tỉnh, xét nghiệm cộng đồng
118.	1822129	1991	Nam	Tổ 1, Chánh Lộ, TP Quảng Ngãi	Xét nghiệm cộng đồng
119.	1822130	2001	Nữ	Bà Triệu, Lê Hồng Phong, TP Quảng Ngãi	Xét nghiệm cộng đồng
120.	1822131	1995	Nam	Cộng hòa, Tịnh Ấn Tây, TP Quảng Ngãi	Xét nghiệm cộng đồng
121.	1822133	1965	Nam	Cổ Lũy, Tịnh Khê, TP Quảng Ngãi	Xét nghiệm cộng đồng

122.	1822134	1994	Nữ	Tổ 2, Nghĩa Lộ, TP Quảng Ngãi	Xét nghiệm cộng đồng
123.	1822135	1965	Nữ	Tổ 7, Nghĩa Lộ, TP Quảng Ngãi	Xét nghiệm cộng đồng
124.	1822136	2021	Nữ	Tổ 7, Nghĩa Lộ, TP Quảng Ngãi	Xét nghiệm cộng đồng
125.	1822119	1981	Nam	Tổ 5, Quảng Phú, TP Quảng Ngãi	NV Điện lực Nghĩa Hành, xét nghiệm cộng đồng
126.	1822120	2000	Nữ	Tổ 3, Nghĩa Lộ, TP Quảng Ngãi	Xét nghiệm cộng đồng
127.	1822123	1996	Nữ	Tổ 8, Chánh Lộ, TP Quảng Ngãi	Xét nghiệm cộng đồng
128.	1822124	1992	Nữ	Hổ Tiếu, Nghĩa Hà, TP Quảng Ngãi	Công nhân công ty Kingmarker - KCN VSIP, xét nghiệm cộng đồng
129.	1822125	1989	Nữ	Khánh Lạc, Nghĩa Hà, TP Quảng Ngãi	Công nhân Công ty South Sea Leatherwears - KCN VSIP, xét nghiệm cộng đồng
130.	1822164	1963	Nữ	An Kỳ, Tịnh Kỳ, TP Quảng Ngãi	Xét nghiệm cộng đồng
131.	1822167	1965	Nam	Cổ Lũy, Tịnh Khê, TP Quảng Ngãi	Xét nghiệm cộng đồng
132.	1822209	2000	Nữ	TDP 1A, Liên Hiệp I, Trương Quang Trọng, TP Quảng Ngãi	Công nhân công ty Mensa - KCN VSIP, xét nghiệm cộng đồng
1.4. Tư Nghĩa: 13 ca					
133.	1822007	1979	Nam	La Hà 3, Nghĩa Thương, Tư Nghĩa	Xét nghiệm cộng đồng
134.	1822024	1981	Nữ	Thôn 2, Nghĩa Sơn, Tư Nghĩa	Công nhân Công ty Mensa – KCN VSIP, xét nghiệm cộng đồng
135.	1822031	1988	Nữ	An Hà Nam, Nghĩa Thắng, Tư Nghĩa	Xét nghiệm cộng đồng
136.	1822033	1967	Nữ	An Hội Bắc 2, Nghĩa Kỳ, Tư Nghĩa	Xét nghiệm cộng đồng
137.	1822034	2017	Nữ	An Hội Bắc 2, Nghĩa Kỳ, Tư Nghĩa	Xét nghiệm cộng đồng
138.	1822035	1997	Nam	An Đại 3, Nghĩa Phương, Tư Nghĩa	Công nhân Công ty May Hoà Thọ - KCN Tịnh Phong, xét nghiệm cộng đồng
139.	1822059	1976	Nam	Điền Long, Nghĩa Điền, Tư Nghĩa	Xét nghiệm cộng đồng

140.	1822060	1947	Nữ	Điền Long, Nghĩa Điền, Tư Nghĩa	Xét nghiệm cộng đồng
141.	1822079	1991	Nữ	Điền Long, Nghĩa Điền, Tư Nghĩa	Công nhân Công ty Mensa – KCN VSIP, xét nghiệm cộng đồng
142.	1822111	1992	Nữ	Điền Trang, Nghĩa Trung, Tư Nghĩa	Công nhân Công ty Mensa – KCN VSIP, xét nghiệm cộng đồng
143.	1822127	1994	Nữ	Thu Xà, Nghĩa Hòa, Tư Nghĩa	Công nhân Công ty South Sea Leatherwears – KCN VSIP, xét nghiệm cộng đồng
144.	1822112	1991	Nữ	Điền Trang, Nghĩa Trung, Tư Nghĩa	Công nhân công ty Kingmarker – KCN VSIP, xét nghiệm cộng đồng
145.	1822211	1952	Nữ	Điền Long, Nghĩa Điền, Tư Nghĩa	Xét nghiệm cộng đồng
1.5. Mộ Đức: 11 ca					
146.	1822003	1988	Nữ	Gia Hòa, Đức Thắng, Mộ Đức	Công nhân Công ty Mensa - KCN VSIP, xét nghiệm cộng đồng
147.	1822004	2019	Nữ	Thôn 7, Đức Nhuận, Mộ Đức	Xét nghiệm cộng đồng
148.	1822005	1995	Nữ	Thôn 7, Đức Nhuận, Mộ Đức	Công nhân Công ty South Sea Leatherwears - KCN VSIP, xét nghiệm cộng đồng
149.	1822051	1999	Nữ	Lâm Thượng, Đức Phong, Mộ Đức	Công nhân Công ty Properwell - KCN VSIP, xét nghiệm cộng đồng
150.	1822052	1961	Nữ	Phước Thịnh, Đức Thạnh, Mộ Đức	Xét nghiệm cộng đồng
151.	1822168	1998	Nam	Thạch Trụ Tây, Đức Lân, Mộ Đức	Tòa án huyện Đức Phổ, xét nghiệm cộng đồng
152.	1822169	1987	Nam	Thạch Trụ Đông, Đức Lân, Mộ Đức	Xét nghiệm cộng đồng
153.	1822170	1984	Nam	Thôn 3, Đức Chánh, Mộ Đức	Xét nghiệm cộng đồng
154.	1822171	1980	Nam	Lâm Hạ, Đức Phong, Mộ Đức	Xét nghiệm cộng đồng
155.	1822172	1992	Nữ	Thạch Trụ Đông, Đức Lân, Mộ Đức	Nhân viên bảo hiểm , xét nghiệm cộng đồng
156.	1822173	2016	Nữ	Thạch Trụ Đông, Đức Lân, Mộ Đức	Xét nghiệm cộng đồng
1.6. Đức Phổ: 11 ca					
157.	1822015	1987	Nam	Văn Trường, Phổ Văn, Đức Phổ	Công nhân công ty thép Hòa Phát, xét nghiệm cộng đồng

158.	1822142	2013	Nam	Long Thạnh 2, Phổ Thạnh, Đức Phổ	Xét nghiệm cộng đồng
159.	1822143	2009	Nam	Long Thạnh 2, Phổ Thạnh, Đức Phổ	Xét nghiệm cộng đồng
160.	1822144	1983	Nam	Long Thạnh 2, Phổ Thạnh, Đức Phổ	Xét nghiệm cộng đồng
161.	1822145	1989	Nam	Long Thạnh 2, Phổ Thạnh, Đức Phổ	Xét nghiệm cộng đồng
162.	1822146	1990	Nữ	Long Thạnh 2, Phổ Thạnh, Đức Phổ	Xét nghiệm cộng đồng
163.	1822147	2018	Nữ	Long Thạnh 2, Phổ Thạnh, Đức Phổ	Xét nghiệm cộng đồng
164.	1822205	1975	Nữ	Thạch By 1, Phổ Thạnh, Đức Phổ	Xét nghiệm cộng đồng
165.	1822206	1979	Nam	Thạch By 1, Phổ Thạnh, Đức Phổ	Xét nghiệm cộng đồng
166.	1822207	2013	Nữ	Thạch By 1, Phổ Thạnh, Đức Phổ	Xét nghiệm cộng đồng
167.	1822208	2019	Nam	Thạch By 1, Phổ Thạnh, Đức Phổ	Xét nghiệm cộng đồng
1.7. Nghĩa Hành: 04 ca					
168.	1822012	1991	Nam	Đội 11, Hiệp Phổ Nam, Hành Trung, Nghĩa Hành	Xét nghiệm cộng đồng
169.	1822083	1997	Nam	Ngọc Sơn, Hành Thiện, Nghĩa Hành	Xét nghiệm cộng đồng
170.	1822118	1992	Nam	Vạn Xuân 2, Hành Thiện, Nghĩa Hành	NV Điện lực Nghĩa Hành, xét nghiệm cộng đồng
171.	1822212	1996	Nữ	Phú Lâm Đông, Hành Thiện, Nghĩa Hành	Công nhân Công ty South Sea Leatherwears - KCN VSIP, xét nghiệm cộng đồng
1.5. Sơn Hà: 09 ca					
172.	1822063	2000	Nữ	Làng Mùng, Sơn Bao, Sơn Hà	Xét nghiệm cộng đồng
173.	1822148	2005	Nam	Gò Chu, Sơn Thành, Sơn Hà	F1 BN 1804765, xét nghiệm cộng đồng
174.	1822149	1995	Nam	Bầu Sơn, Sơn Nham, Sơn Hà	Công nhân công ty Millennium - KCN VSIP, xét nghiệm cộng đồng
175.	1822151	1982	Nam	TDP Nước Bung, Thị trấn Di Lăng, Sơn Hà	Xét nghiệm cộng đồng
176.	1822152	1979	Nữ	TDP Nước Bung, Thị trấn Di Lăng, Sơn Hà	Xét nghiệm cộng đồng
177.	1822153	2007	Nam	TDP Nước Bung, Thị trấn Di Lăng, Sơn Hà	Xét nghiệm cộng đồng

178.	1822154	2012	Nữ	TDP Nước Bung, Thị trấn Di Lăng, Sơn Hà	Xét nghiệm cộng đồng
179.	1822210	2003	Nữ	Lăng Trăng, Sơn Kỳ, Sơn Hà	Công nhân công ty Millennium - KCN VSIP, xét nghiệm cộng đồng
180.	1822113	1997	Nam	Gò Rin, Sơn Thành, Sơn Hà	Công nhân Công ty South Sea Leatherwears - KCN VSIP, xét nghiệm cộng đồng
1.6. Sơn Tây: 02 ca					
181.	1822156	1963	Nam	Huy Em, Sơn Mùa, Sơn Tây	Xét nghiệm cộng đồng
182.	1822157	1965	Nữ	Huy Em, Sơn Mùa, Sơn Tây	Xét nghiệm cộng đồng
1.7. Ba Tơ: 02 ca					
183.	1822137	1971	Nam	Nước Lô, Ba Giang, Ba Tơ	Xét nghiệm cộng đồng
184.	1822138	1999	Nam	Nước Lô, Ba Giang, Ba Tơ	Xét nghiệm cộng đồng
1.8. Minh Long: 02 ca					
185.	1822165	2002	Nam	Mai Lãnh Hạ, Long Mai, Minh Long	F1 BN1804876, xét nghiệm cộng đồng
186.	1822166	2005	Nữ	Long Thượng, Long Mai, Minh Long	F1 BN1804766, xét nghiệm cộng đồng
2. Xét nghiệm sàng lọc cơ sở y tế: 01 ca					
187.	1822213	1949	Nam	Tổ 1, Nguyễn Nghiêm, TP Quảng Ngãi	Xét nghiệm sàng lọc tại Bệnh viện đa khoa tỉnh
3. Xét nghiệm trong thời gian cách ly tại nhà: 21 ca					
188.	1822132	1964	Nam	An Lộc, Tịnh Long, TP Quảng Ngãi	F1 BN 1724946, xét nghiệm trong thời gian cách ly tại nhà lần 2
189.	1822080	2015	Nữ	Thôn Tây, Tịnh Sơn, Sơn Tịnh	F1 BN 1804799, xét nghiệm trong thời gian cách ly tại nhà lần 1
190.	1822019	2020	Nam	Tân Hy 1, Bình Đông, Bình Sơn	F1 BN 1663355, xét nghiệm trong thời gian cách ly tại nhà lần 1
191.	1822047	2013	Nam	Thôn 2, Đức Chánh, Mộ Đức	F1 BN 1772250, xét nghiệm trong thời gian cách ly tại nhà lần 2
192.	1822048	1962	Nữ	Thôn 2, Đức Chánh, Mộ Đức	F1 BN 1772250, xét nghiệm trong thời gian cách ly tại nhà lần 2
193.	1822049	1970	Nữ	Lâm Thượng, Đức Phong, Mộ Đức	F1 BN 1710338, xét nghiệm trong thời gian cách ly tại nhà lần 2

194.	1822050	1938	Nữ	Lâm Thượng, Đức Phong, Mộ Đức	F1 BN 1710338, xét nghiệm trong thời gian cách ly tại nhà lần 2
195.	1822055	2015	Nam	TDP Gò Dép, Thị trấn Di Lăng, Sơn Hà	F1 BN 1725078, xét nghiệm trong thời gian cách ly tại nhà lần 2
196.	1822056	2000	Nam	TDP Gò Dép, Thị trấn Di Lăng, Sơn Hà	F1 BN 1725078, xét nghiệm trong thời gian cách ly tại nhà lần 2
197.	1822057	2019	Nam	TDP1, Thị trấn La Hà, Tư Nghĩa	F1 BN 1710277, xét nghiệm trong thời gian cách ly tại nhà lần 2
198.	1822058	1993	Nữ	Xóm 9, La Châu, Nghĩa Trung, Tư Nghĩa	F1 BN 1663359, xét nghiệm trong thời gian cách ly tại nhà lần 2
199.	1822075	2014	Nữ	An Thạch, Phổ An, Đức Phổ	F1 BN 1804803, xét nghiệm trong thời gian cách ly tại nhà lần 1
200.	1822076	2021	Nam	An Thạch, Phổ An, Đức Phổ	F1 BN 1804803, xét nghiệm trong thời gian cách ly tại nhà lần 1
201.	1822116	2022	Nữ	Tổ 8, Quảng Phú, TP Quảng Ngãi	F1 BN 1663362, xét nghiệm trong KCL BV điều trị bệnh nhân COVID CS2 lần 1
202.	1822139	1978	Nữ	Nước Lô, Ba Giang,Ba Tơ	F1 BN 1678602, xét nghiệm trong thời gian cách ly tại nhà lần 2
203.	1822140	2003	Nữ	Nước Lô, Ba Giang,Ba Tơ	F1 BN 1678602, xét nghiệm trong thời gian cách ly tại nhà lần 2
204.	1822141	2015	Nữ	Nước Lô, Ba Giang,Ba Tơ	F1 BN 1678602, xét nghiệm trong thời gian cách ly tại nhà lần 2
205.	1822186	1955	Nữ	An Điềm 1, Bình Chương, Bình Sơn	F1 BN1691205, xét nghiệm trong thời gian cách ly tại nhà lần 2
206.	1822187	1992	Nam	An Điềm 1, Bình Chương, Bình Sơn	F1 BN1691205, xét nghiệm trong thời gian cách ly tại nhà lần 2
207.	1822188	2014	Nữ	An Điềm 1, Bình Chương, Bình Sơn	F1 BN1691205, xét nghiệm trong thời gian cách ly tại nhà lần 2

208.	1822189	2012	Nam	An Điềm 1, Bình Chương, Bình Sơn	F1 BN1691205, xét nghiệm trong thời gian cách ly tại nhà lần 2
4. Ngoại tỉnh về: 07 ca					
209.	1822069	1995	Nam	Diêm Phổ, Tam Anh Nam, Núi Thành	Công nhân công ty thép Hòa Phát, xét nghiệm cộng đồng
210.	1822032	1994	Nữ	Bình Đẳng, Tịnh Ấn Đông, TP Quảng Ngãi	TPHCM về, xét nghiệm trong thời gian cách ly tại nhà lần 1
211.	1822150	1973	Nữ	Làng Rút, Sơn Kỳ, Sơn Hà	Gia Lai về, xét nghiệm trong thời gian cách ly tại nhà lần 1
212.	1822074	1993	Nam	Thôn Hiệp, Phổ Phong, Đức Phổ	Long An về, xét nghiệm trong thời gian cách ly tại nhà lần 1
213.	1822115	1981	Nam	Phú Bình Tây, Thị trấn Chợ Chùa, Nghĩa Hành	Kiên Giang về, xét nghiệm trong thời gian cách ly tại nhà lần 1
214.	1822160	1992	Nam	Xóm 5, Thọ Tây, Tịnh Thọ, Sơn Tịnh	TPHCM về, xét nghiệm trong thời gian cách ly tại nhà lần 2
215.	1822203	1996	Nam	Liên Trì Tây, Bình Hiệp, Bình Sơn	Đà Nẵng về, xét nghiệm trong thời gian cách ly tại nhà lần 1

*** Bệnh nhân tử vong ngày 05/01/2022: 01 bệnh nhân**

Họ và tên: **T.V.T**; sinh năm: 1958; địa chỉ: TT Châu Ổ, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi. Chẩn đoán tử vong: Nhiễm SARS-CoV-2 nguy kịch/ Viêm phổi nặng/ Suy thận/ Tăng huyết áp/ Gout/ Suy kiệt.

I. Tổng hợp tình hình dịch bệnh COVID-19

- Tổng số ca mắc mới trong ngày: **215**, Tổng số ca khỏi bệnh trong ngày: **412**; số ca tử vong trong ngày: **01**.

- Số ca mắc COVID-19 tại tỉnh từ ngày 01/01/2021 đến nay: **6.620** ca bệnh. Trong đó: Tổng số ca hiện đang điều trị **1.689** (tại nhà: **1.480**; tại khu cách ly F0 tập trung: **52**; tại bệnh viện: **157**); Số ca khỏi bệnh: **4.904 (**tại nhà: 887; tại khu cách lý F0 tập trung: 296; tại bệnh viện: 3.721); Số bệnh nhân tử vong: **27**.

- Hoạt động truy vết từ ngày 26/6/2021 đến nay đã xác định: 16.152 trường hợp F1, 40.891 trường hợp F2.

- Đang cách ly tập trung: 06 người.

- Đang cách ly tại nhà: 8.306 người.

- Công tác thu dung, điều trị:

*** Tại Bệnh viện:**

Cơ sở điều trị	Số bệnh nhân vào viện trong ngày	Số bệnh nhân ra viện trong ngày	Tổng số bệnh nhân hiện có	**Phân loại (số lượng, %)**				
				Không triệu chứng	Nhẹ	Vừa	Nặng	Nguy kịch
Cơ sở 1	6	4	**91**	0	79 (86,8%)	12 (13,2%)	0	0
Cơ sở 2	8	2	**66**	12 (18,2%)	42 (63,6%)	8 (12,1%)	4 (6,1%)	0
Tổng cộng	**14**	**6**	**157**	12 (7,6%)	121 (77,1%)	20 (12,7%)	4 (2,6%)	0

*** Tại khu cách ly tập trung F0:** Số ca tiếp nhận trong ngày: 09; số ca khỏi bệnh trong ngày: 74; số ca hiện còn đang theo dõi, chăm sóc y tế: **52**; số ca khỏi bệnh: 296.

*** Tại nhà:** Số ca ghi nhận trong ngày: 192; số ca khỏi bệnh trong ngày: 332; số ca hiện còn đang theo dõi, chăm sóc y tế: **1.480**; số ca khỏi bệnh: 887.

- Tiêm chủng vắc xin ngừa COVID-19:

+ Tổng số vắc xin theo Quyết định phân bổ của Bộ Y tế: 1.972.2044 liều.

+ Tổng số vắc xin tỉnh đã nhận: 1.892.644 liều.

+ Lũy tích số người tiêm ít nhất 1 mũi vắc xin: **858.813** người (đạt tỷ lệ 99,1% số người từ 18 tuổi trở lên).

+ Lũy tích số người tiêm 2 mũi vắc xin: **833.738** người (đạt tỷ lệ 96,2% số người từ 18 tuổi trở lên).

+ Số người từ 18 tuổi trở lên đã tiêm chủng mũi nhắc lại: **9.259** người (đạt tỷ lệ 1,1%)

+ Số trẻ 12 – 17 tuổi đã tiêm chủng 1 mũi vắc xin: **109.700** trẻ (đạt tỷ lệ 97,4%).

+ Số trẻ 12 – 17 tuổi đã tiêm chủng 2 mũi vắc xin: **21.054** trẻ (đạt tỷ lệ 18,4%).

II. Nhận định tình hình

1. Tỉnh Quảng Ngãi đã tiếp nhận số lượng lớn công dân từ các tỉnh phía Nam và từ các vùng dịch khác trở về địa phương; đồng thời, khởi động lại các hoạt động kinh tế-xã hội điều này cũng làm gia tăng ca bệnh.

Hiện nay thời tiết đang trong giai đoạn chuyển mùa Đông Xuân, đồng thời sắp tới là Tết Nguyên đán làm tăng số lượng người Quảng Ngãi về quê; tâm lý của một số người dân chủ quan khi đã tiêm đủ liều vắc xin, gây khó khăn cho công tác phòng, chống dịch.

Tình hình dịch COVID-19 tại TP Quảng Ngãi, các huyện Sơn Hà, Bình Sơn, Sơn Tịnh, Tư Nghĩa và các khu công nghiệp có diễn biến phức tạp.

2. Theo quy định của UBND tỉnh tại Công văn số 6997/UBND-KGVX ngày 22/12/2021 về thực hiện cách ly y tế trong tình hình mới nhằm thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19, các trường hợp F1 và người từ vùng dịch về đều cách ly tại nhà, đồng thời việc quản lý, điều trị Fo tại nhà theo Quyết định 2052/QĐ-UBND ngày 17/12/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch " Tổ chức, thực hiện quản lý và chăm sóc người nhiễm COVID-19 tại nhà, nơi lưu trú" trên địa bàn tỉnh; việc cách ly điều tri F0 tại nhà cần tăng cường hơn nữa công tác quản lý, giám sát chặc chẽ bệnh điều trị tại nhà. Đồng thời người bệnh và gia đình cần thực hiện nghiêm túc các quy định cách ly điều trị tại nhà nếu không sẽ lây lan dịch cho những người trong gia đình và cộng đồng.

III. Một số kiến nghị, đề xuất

1. Đề nghị các cơ quan truyền thông: Tăng cường và đa dạng công tác tuyên truyền vận động để người dân chủ động thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch COVID-19. Lưu ý việc người dân thực hiện khai báo y tế trung thực, thực hiện tốt 5K; khi có triệu chứng ho, sốt, đau họng, khó thở, mất vị giác, khứu giác thì liên hệ y tế gần nhất để được tư vấn và xét nghiệm SARS-COV-2.

Truyền thông về lợi ích, tính an toàn của văc xin và những tác dụng không mong muốn có thể xảy ra sau khi tiêm để người dân hiểu rõ, hiểu đúng và tự nguyện tiêm chủng.

2. Đề nghị các địa phương:

- Chính quyền địa phương, Tổ phòng, chống dịch COVID cộng đồng tăng cường giám sát y tế, cách ly y tế tại cư trú/lưu trú đối với cả F1 và F0; thực hiện thông báo để cộng đồng biết, hỗ trợ. Các trường hợp vi phạm quy định giám sát y tế, cách ly điều trị tại nhà thì xử lý nghiêm theo quy định.

Chủ tịch UBND cấp xã chịu trách nhiệm kiểm tra, thẩm định, phê duyệt điều kiện đảm bảo giám sát y tế, cách ly y tế nơi cư trú/lưu trú đối với cả F1 và F0 theo quy định của Bộ Y tế và của UBND tỉnh.

- UBND các huyện, thị xã, thành phố triển khai các trạm y tế lưu động; sẵn sàng phương tiện, trang thiết bị, thuốc để kịp thời hỗ trợ F0 điều trị tại nhà khi cần thiết.

- Tiếp tục tăng cường hơn nữa công tác kiểm tra, giám sát việc chấp hành quy định phòng, chống dịch của tổ chức, cá nhân nhất là tại bệnh viện, cơ sở sản xuất, chợ, siêu thị, nhà ga, bến xe, nơi tập trung đông người...

- Tiếp tục đẩy nhanh tiến độ tiêm chủng vắc xin phòng COVID-19. Tổ chức tiêm vét văc xin, thành lập tổ tiêm lưu động đi từng ngõ, gõ cửa từng nhà, rà từng người thuộc nhóm nguy cơ cao, thực hiện tiêm ngay tại nhà baorddamr không bỏ sót ai thuộc nhóm nguy cơ cao mà không tiêm văc xin đầy đủ (trừ những người chống chỉ định); đảm bảo 100% người từ 18 tuổi trở lên tiêm đủ hai mũi trong tháng 12/2021. Triển khai tiêm vắc xin phòng COVID-19 cho 100% trẻ em 12-17 tuổi tiêm đủ 02 mũi trong tháng 01/2022. Khẩn trương tiến hành tiêm vắc xin phòng COVID -19 mũi nhắc lại và mũi bổ sung cho người đã tiêm đủ 02 mũi vắc xin.

- Thực hiện quản lý chặc chẽ nhóm nguy cơ cao trên địa bàn, tổ chức chăm sóc, theo dõi sức khỏe, xử lý và điều trị ngay khi phát hiện mắc COVID-19 theo đúng hướng dẫn phân loại nguy cơ người nhiễm SARS-COV-2, để giảm tỷ lệ chuyển nặng và giảm tỷ lệ tử vong.

Sở Y tế kính báo./.

Nơi nhận:
- Bộ Y tế (báo cáo);
- Các cục: QLKCB, YTDP (báo cáo);
- Viện Pasteur Nha Trang (báo cáo);
- BCĐ PCD COVID-19 tỉnh (báo cáo);
- Trung tâm Chỉ huy PCD COVID-19 tỉnh (báo cáo);
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Ban Tuyên giáo TU;
- Các Sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- GĐ, các PGĐ Sở Y tế;
- Các phòng CN Sở Y tế;
- Trung tâm KSBT tỉnh;
- TTYT các huyện, tx, tp;
- VP Sở đăng Website;
- Lưu: VT, NVY.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ Y TẾ
TỈNH QUẢNG NGÃI

Phạm Minh Đức

Phụ lục: Phân bố ca bệnh theo địa phương

Huyện	Tổng số	Ca bệnh mới trong ngày
Bình Sơn	1546	68
Sơn Tịnh	544	28
Thành Phố	1760	49
Tư Nghĩa	752	15
Nghĩa Hành	205	5
Mộ Đức	412	15
Đức Phổ	651	14
Trà Bồng	179	0
Lý Sơn	11	0
Sơn Hà	327	12
Sơn Tây	45	2
Minh Long	70	2
Ba Tơ	118	5
Tổng	**6620**	**215**